

NẾP SỐNG ĐÔ THỊ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GÓC NHÌN CỦA NGƯỜI TRONG CUỘC

TRẦN THỊ KIM XUYẾN
PHẠM THỊ THÙY TRANG

Từ cách tiếp cận nghiên cứu hành động đồng tham gia, bài viết nêu lên một số vấn đề thực tế trong những khía cạnh không thành công của các cuộc vận động về nếp sống văn minh đô thị ở TPHCM và đề xuất một vài cách nhìn khác trong quản lý đô thị. Bài viết đưa ra một số kết quả về việc phân tích thể chế trong việc thực hiện chủ trương Xây dựng nếp sống văn minh đô thị của thành phố và những vấn đề thực tế trong các lĩnh vực cụ thể của nếp sống đô thị ở TPHCM, cuối cùng đề xuất một vài khuyến nghị về mặt quản lý đô thị.

1. DẪN NHẬP

Nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng TPHCM ngày càng văn minh hiện đại, xứng tầm khu vực mà vẫn giữ được bản sắc riêng, ngay từ năm 1979 đến

nay, chính quyền thành phố đã liên tục đưa ra các đợt vận động nhằm xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Trong thời gian gần đây, trước áp lực của quá trình đô thị hóa nhanh và mạnh, nhiều vấn đề có liên quan tới nếp sống văn minh đô thị đang trở thành tâm điểm của dư luận xã hội và là mối quan tâm của các nhà quản lý. Thực tế vẫn còn tồn tại nhiều bất cập cả trên cấp độ vĩ mô lẫn vi mô làm cho chính quyền và người dân đều cảm thấy chưa hài lòng. Đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan tới chủ đề này, nhưng nhìn chung các nhà nghiên cứu thường nhìn nhận vấn đề

Trần Thị Kim Xuyên. Phó Giáo sư tiến sĩ.
Trường Đại học Bình Dương.

Phạm Thị Thùy Trang. Thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài: *Xây dựng nếp sống văn minh đô thị tại TPHCM từ cách tiếp cận nghiên cứu hành động đồng tham gia: thực trạng và các giải pháp*. Chủ trì: Sở Khoa học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ nhiệm đề tài: Trần Thị Kim Xuyên.

nếp sống đô thị dưới các góc độ quan sát từ bên ngoài. Bài viết này được thực hiện trên hướng tiếp cận nghiên cứu có sự tham gia của người dân và phân tích chính sách với phương pháp kiểm toán xã hội, dựa theo kết quả của công trình nghiên cứu khoa học cấp Sở *Xây dựng nếp sống văn minh đô thị tại TPHCM từ cách tiếp cận nghiên cứu hành động đồng tham gia: thực trạng và các giải pháp*.

Với mong muốn làm rõ những khía cạnh không thành công của các cuộc vận động về nếp sống văn minh đô thị ở TPHCM và đề xuất một vài cách nhìn khác trong quản lý đô thị, bài viết tập trung phân tích các thể chế trong việc xây dựng nếp sống văn minh đô thị của thành phố và những vấn đề cụ thể của nếp sống đô thị ở TPHCM (an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và giao tiếp, ứng xử nơi công cộng).

2. VÀI NÉT VỀ CUỘC NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu

Cuộc nghiên cứu được thực hiện nhằm nắm bắt thực trạng nếp sống đô thị tại TPHCM trong điều kiện hiện nay, chỉ ra những nguyên nhân cản trở chủ trương xây dựng nếp sống văn minh đô thị của chính quyền và người dân thành phố, đưa ra những gợi ý giải pháp trong việc quản lý và tuyên truyền cho người dân tại các cộng đồng đô thị.

Những nội dung nghiên cứu cụ thể là: Phân tích các chủ trương chính sách của quốc gia và thành phố về việc

đảm bảo nếp sống văn minh đô thị và hiệu quả của chúng; đánh giá kiến thức, thái độ, hành vi của các nhóm cư dân đô thị về nếp sống đô thị tại TPHCM trong điều kiện hiện nay bằng phương pháp tham gia; xác định những nguyên nhân cản trở việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị trên các mặt: chấp hành luật lệ giao thông, vệ sinh môi trường, ứng xử nơi công cộng; nâng cao nhận thức về nếp sống văn minh đô thị cho các nhóm dân cư tại địa bàn nghiên cứu thông qua quá trình nghiên cứu có sự tham gia của người dân.

Cuộc nghiên cứu được thực hiện dựa trên sự kết hợp giữa phương pháp luận phân tích chính sách và phương pháp nghiên cứu hành động có sự tham gia của người dân (PAR - Participatory Action Research) thông qua các công cụ như phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm tập trung, kiểm toán xã hội; chấm điểm cộng đồng, và các công cụ nghiên cứu hành động có sự tham gia (cây vấn đề, xếp hạng thứ tự ưu tiên, biểu đồ Venn,...).

Việc sử dụng nghiên cứu tham gia kết hợp với tiếp cận KAB (Knowledge, Attitude, Behaviour – Kiến thức, thái độ, hành vi) và tiếp cận cộng đồng sẽ giúp nhà nghiên cứu thu nhận được những thông tin liên quan tới kiến thức, thái độ và hành vi của người dân tại cộng đồng dân cư phường 2 (quận 5) và phường 8 (quận 8) về các lĩnh vực khác nhau của cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh đô thị của TPHCM (an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và giao tiếp ứng xử).

Nghiên cứu, phân tích chính sách là hướng tiếp cận khách quan, nhưng việc đánh giá các chính sách đã được áp dụng trong thực tiễn bởi chính những người dân với tư cách là những người trong cuộc, được thụ hưởng và bị ảnh hưởng bởi các chính sách đó cũng cần được thực hiện. Bên cạnh đó, trong quá trình làm việc với cộng đồng, các nghiên cứu viên cũng đồng thời phổ biến những kiến thức cần thiết cho người dân, cùng trao đổi với các cán bộ quản lý địa phương và với các nhóm dân cư tham gia để đề xuất các giải pháp thực hiện phù hợp nhất cho cộng đồng.

2.2. Địa bàn và mẫu nghiên cứu

Quận 5 và quận 8 của TPHCM được chọn làm địa bàn nghiên cứu vì cả hai quận hiện nay đều thuộc về nội thành, và đều được chọn là quận thí điểm để thực hiện cuộc vận động nếp sống văn minh đô thị (quận 5 về cảnh quan đô thị, quận 8 về vệ sinh môi trường). Cả hai quận đều là vùng đất có lịch sử phát triển lâu dài cùng với lịch sử hơn 300 năm của thành phố. Về dân cư, quận 5 có đặc trưng là nhiều người Hoa và nhiều người có nguồn gốc lâu năm ở TPHCM, còn quận 8 là quận có nhiều người nhập cư.

Những người cung cấp thông tin bao gồm các nhóm dân cư khác nhau sinh sống tại phường 2 (quận 5) và phường 8 (quận 8), được chọn theo đặc điểm nhân khẩu - xã hội của họ: nhóm cán bộ⁽¹⁾; nhóm dân cư⁽²⁾; nhóm những người cao tuổi (từ 60-78 tuổi); nhóm hành nghề xe ôm (từ 30-62 tuổi);

nhóm những người nhập cư (25-60 tuổi); nhóm cán bộ - công nhân viên (24-60 tuổi); và nhóm học sinh - sinh viên (là những người đang học tại các trường cao đẳng và phổ thông ở quận 5 và quận 8).

Mỗi một nhóm kể trên đều tham gia vào các cuộc thảo luận nhóm và thực hiện các công cụ PAR, cung cấp thông tin cho cuộc nghiên cứu từ góc nhìn của người trong cuộc. Cụ thể, số người tham gia thực hiện các công cụ PAR là 90 người, tham gia thảo luận tập trung là 40 người và phỏng vấn sâu là 20 người. Ngoài ra, đề tài còn tiến hành 2 cuộc kiểm toán xã hội và 14 cuộc phát thẻ chấm điểm cộng đồng.

3. NHỮNG KẾT QUẢ VÀ PHÁT HIỆN

Từ khi triển khai cuộc vận động nếp sống văn minh đô thị năm 2003, hàng loạt các phong trào, các hoạt động trên quy mô lớn hưởng ứng cuộc vận động đã diễn ra trên phạm vi toàn thành phố, tạo được sự chuyển biến nhất định trong nhận thức của đa số người dân. Đặc biệt, chủ trương xây dựng “thành phố xanh sạch đẹp” (2010) đã làm cho thành phố có được những diện mạo mới. Nhiều khu vực trong thành phố đã khang trang hơn, sạch đẹp hơn, tạo sự phấn khởi và niềm tự hào cho người dân. Nhưng dù đã có nhiều chuyển biến, hiện tại vẫn tồn tại nhiều bất cập và còn nhiều việc phải làm để thành phố văn minh hơn.

“Nếp sống văn minh đô thị” được đề cập đến ở đây bao hàm các vấn đề cơ

bản về cách ứng xử của người dân trong đời sống hàng ngày ở đô thị: chấp hành luật giao thông, giữ gìn vệ sinh môi trường, giao tiếp ứng xử nơi công cộng và giữ mỹ quan đô thị. Tuy nhiên, tùy từng năm, chính quyền thành phố tập trung vào từng chương trình trọng điểm⁽³⁾.

Kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình thực hiện cuộc vận động nếp sống văn minh đô thị từ năm 2003 đến 2012 bao gồm các vấn đề: Những bất cập trong công tác tổ chức - chỉ đạo cuộc vận động nếp sống văn minh đô thị; những hạn chế về công tác truyền thông; những vấn đề về kiến thức, thái độ và hành vi của người dân trong các lĩnh vực cụ thể của nếp sống văn minh đô thị (an toàn-giao thông, vệ sinh môi trường và giao tiếp, ứng xử nơi công cộng).

3.1. Những vấn đề về thể chế

Với chủ trương kiên trì xây dựng nếp sống văn minh đô thị ở TPHCM, Chính quyền thành phố đã liên tục đưa ra các nghị quyết nhằm huy động toàn bộ hệ thống chính trị và người dân vào các cuộc vận động này. Kết quả kiểm toán xã hội đối với các văn bản nghị quyết về các cuộc vận động và cách thức tổ chức thực hiện cho thấy một số điểm nổi bật sau:

Thứ nhất, theo thời gian, văn bản nghị quyết của các đợt vận động (từ 2003 đến 2010) càng về sau càng chi tiết hơn, nhưng vẫn còn nhiều nội dung chồng chéo giữa các lĩnh vực. Những đợt vận động về sau đã ghi rõ việc trao quyền cho cấp quận và cấp phường khi xây dựng kế hoạch. Mặc

dù vậy, các kế hoạch vẫn có tính rập khuôn do chủ yếu vẫn được xây dựng bởi Ban chỉ đạo Nếp sống văn minh đô thị cấp thành phố (bao gồm người đứng đầu các Sở của thành phố), sau đó được lặp lại ở cấp quận và phường. Như vậy, chủ trương chính sách vẫn chủ yếu được ban hành từ trên xuống. Sự sáng tạo và chủ động của cấp dưới chỉ ở khâu lập kế hoạch thực hiện chủ trương. Địa phương thực tế không được tự xác định những vấn đề nổi cộm của mình và lập kế hoạch thực hiện dựa trên nguồn lực của họ.

Thứ hai, việc “Trung ương hóa” và “tập trung hóa” trong thực hiện các phong trào, các cuộc vận động xã hội trên quy mô toàn quốc, tức chủ trương và các hoạt động phải thống nhất từ Trung ương xuống các địa phương đã gây nên sự bất cập khi đi vào một địa phương cụ thể. TPHCM với đặc điểm riêng biệt của mình đã đề xuất một cuộc vận động nhằm xây dựng nếp sống văn minh đô thị, nhưng đồng thời vẫn phải thực hiện thêm phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho công việc của các cán bộ cấp phường trở nên quá tải.

Thứ ba, có sự trùng lặp giữa việc phổ biến pháp luật và vận động thực hiện các tiêu chí xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Trong giai đoạn trước năm 2000, khi chưa có luật quy định về các hành vi liên quan tới nếp sống văn minh đô thị, những văn bản về cuộc vận động có vai trò là cơ sở giúp chính quyền các cấp thực hiện những

quy định mang tính chuẩn mực của nhà nước và chính quyền thành phố. Tuy nhiên bắt đầu từ năm 2001, *Luật Giao thông Đường bộ* được ban hành và năm 2008 được điều chỉnh, đồng thời *Luật Bảo vệ Môi trường* cũng được ban hành năm 2005, sửa đổi năm 2013⁽⁴⁾. Những quy định trong các điều luật và những nghị định đều được viết rất kỹ lưỡng. Tiêu chí của các đợt vận động không có gì mới hơn các quy định của pháp luật. Vì vậy, việc cùng một lúc tồn tại hai hệ thống văn bản hướng dẫn cùng một nội dung là đảm bảo kỷ cương và nếp sống đô thị có lẽ không hoàn toàn cần thiết.

3.2. Những vấn đề cụ thể trong nếp sống đô thị của người dân TPHCM

Những biểu hiện cụ thể về nếp sống đô thị của người dân TPHCM được khảo sát trên ba cấp độ: Kiến thức, thái độ và hành vi. Còn các lĩnh vực được đề cập tới bao gồm: an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và giao tiếp, ứng xử nơi công cộng.

Trong lĩnh vực an toàn giao thông

Đa phần các nhóm dân cư thuộc các nhóm tuổi và ngành nghề khác nhau, không nắm rõ về Luật Giao thông Đường bộ. Tuy nhiên, cũng như các kết quả nghiên cứu khác, sự hiểu biết về luật giao thông tốt hơn ở nhóm người có trình độ học vấn cao hơn và những người thuộc nhóm cán bộ, viên chức.

Hạn chế trong kiến thức của người dân về luật giao thông đường bộ là không nắm rõ những quy định cấm

(lấn tuyến, quyền ưu tiên cho các loại xe,...). Ngoài tín hiệu giao thông bằng đèn, họ hầu như không hiểu rõ ý nghĩa của các biển báo. Nhiều người còn có quan niệm không đúng khi cho rằng việc tham gia giao thông đòi hỏi kinh nghiệm thực tế chứ không nhất thiết phải hiểu biết về luật giao thông. Bên cạnh đó, họ cũng không hiểu rõ về trách nhiệm của người tham gia giao thông, tưởng rằng chỉ cần đảm bảo an toàn cho mình và người cùng tham gia giao thông khác, không có trách nhiệm phải cứu giúp người bị nạn. Để người dân hiểu được quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này, đương nhiên cần phải có các biện pháp tuyên truyền.

Mặc dù chính quyền thành phố đã yêu cầu các cơ quan truyền thông và hệ thống chính trị các cấp tổ chức tuyên truyền vận động nếp sống văn minh đô thị, nhưng những kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn tồn tại một số vấn đề sau:

Trước hết là tính hiệu quả của truyền thông đại chúng. Thực tế, đã có nhiều chương trình trên các phương tiện truyền thông đại chúng (tivi, đài, báo, internet...) phổ biến kiến thức về an toàn giao thông và gần đây các chương trình đó cũng đã có sự cải tiến về chất lượng và số lượng. Kết quả từ khảo sát cho thấy, đài truyền hình và đài phát thanh giúp người dân hiểu rõ về luật giao thông đường bộ tốt hơn các nguồn truyền thông đại chúng khác. Nhưng ngay cả với nguồn thông tin này, hiệu quả tới các nhóm công chúng cũng không đều

nhau, vì nhiều nhóm không theo dõi thường xuyên các phương tiện này. Sự tiếp nhận thông tin cũng không giống nhau vì trình độ học vấn giữa các nhóm không tương đồng. Các ấn phẩm của Ủy ban An toàn Giao thông, của các cơ quan Trung ương, tỉnh/thành dưới hình thức các tờ bướm, tờ rơi gọn nhẹ được tiếp nhận tốt hơn các hình thức khác. Bên cạnh đó, các cuộc tuyên truyền vận động trực tiếp tại các cộng đồng dân cư với các hình thức khác nhau, trong đó có việc gửi những tờ quy định về nếp sống văn minh đô thị và hình thức ký cam kết không vi phạm luật giao thông đường bộ cũng phát huy được hiệu quả nhất định. Tuy nhiên, những hình thức này chủ yếu được thực hiện ở một số phường điểm, chưa phổ biến rộng ở các khu dân cư. Hơn nữa, những người nhập cư (chiếm số lượng đông đảo ở thành phố) lại ít tham gia vào các cam kết này.

Kiến thức pháp luật và kỹ năng tham gia giao thông đều được người dân học và đã được kiểm tra khi lấy bằng lái xe, nhưng chủ yếu người dân học để lấy được giấy chứng nhận nhiều hơn là học lấy kiến thức. Nhiều người còn nhờ người khác thi hộ nên không thực sự nắm được luật. Trong trường phổ thông các cấp, việc phổ biến luật giao thông đường bộ được thực hiện khá nghiêm túc, đặc biệt gần đây đã có những hình thức giảng dạy kết hợp với thực hành cho học sinh cấp trung học cơ sở. Tuy nhiên, sau khi học xong các em ít thực hành nên không nhớ được nhiều về các điều luật.

Cuối cùng, điều đáng lưu ý nhất trong công tác tuyên truyền là thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa ba yếu tố xã hội hóa: gia đình, nhà trường và xã hội. Cho dù các em học sinh được học và thực hành luật giao thông đường bộ, nhưng hàng ngày, khi tham gia giao thông, hành vi không phù hợp của những người xung quanh, đặc biệt là những người thân - có tác động rất lớn tới hành vi của các em.

Về mặt hành vi, việc vi phạm luật giao thông đường bộ là phổ biến ở hầu hết các nhóm dân cư. Hành vi này có hạn chế hơn khi người dân nhìn thấy hoặc dự đoán có cảnh sát giao thông đang thi hành công vụ trên đường họ đi. Theo kết quả khảo sát, mặc dù tránh bị phát hiện vi phạm Luật Giao thông, nhưng người dân cũng thích “xử lý nhanh” trong các tình huống bị phạt bằng cách thỏa thuận nộp tiền cho cảnh sát giao thông (“mãi lộ”). Mức phạt vi phạm hiện không cao nên chưa làm cho người dân cảm thấy e ngại.

Các nhóm dân cư tại địa bàn nghiên cứu cũng xác nhận một trong những hành vi gây ra hệ quả nghiêm trọng khi tham gia giao thông là việc uống rượu bia, đặc biệt là nam giới. Khi mà uống rượu bia được coi là nếp sinh hoạt thường nhật, việc kinh doanh rượu bia không bị kiểm soát, và các biện pháp chế tài chưa nghiêm thì các tai nạn giao thông sẽ rất khó khắc phục.

Về mặt thái độ khi tham gia giao thông, một trong những hiện tượng thường thấy nhất là sự thờ ơ trước các tai nạn giao thông. Các cuộc thảo luận

nhóm xác nhận rằng nhiều người bỏ qua việc giúp đỡ người bị tai nạn giao thông, bản thân họ có lúc cũng vậy. Nhưng họ cũng không phê phán việc không giúp đỡ này. Lý do thường được nêu ra là họ không muốn rắc rối với công an, không loại trừ trường hợp họ cũng không có giấy phép lái xe. Điều này có thể bắt nguồn từ kiến thức (không biết khái niệm về giờ vàng của người gặp tai nạn, hay không biết rằng mọi người đều có nghĩa vụ giúp người bị nạn...); đồng thời, do thiếu tinh thần tương thân tương ái với những người khác trong cộng đồng, xã hội.

Khi hỏi người dân về thái độ của họ với những sai phạm khi xử lý vi phạm giao thông, đa phần xác nhận tuy họ có phiền lòng khi chứng kiến những tiêu cực của cảnh sát giao thông, nhưng họ không phê phán mà còn xem đó là những “kinh nghiệm” cho mình sau này.

Trong lĩnh vực vệ sinh môi trường

Vệ sinh môi trường là một trong những lĩnh vực mà chính quyền thành phố và người dân đã bỏ nhiều công sức hơn cả nhằm cải thiện tình hình. Thực tế nhiều mô hình về vệ sinh môi trường đã được thực hiện rất tốt tại các địa bàn dân cư. Qua các đợt vận động, TPHCM nói chung, khu vực phường 2 (quận 5) và phường 8 (quận 8) nói riêng đã có những thay đổi về cơ sở - kỹ thuật. Nhà vệ sinh và thùng rác công cộng đã được lắp đặt nhiều hơn. Tuy nhiên, nhiều thùng rác chưa phù hợp về kích cỡ, về vị trí nên chưa phát huy được tác dụng. Một số

nơi, thùng rác đặt ngay trước cửa nhà dân, hoặc có thùng rác nhưng lại không thường xuyên thu gom, gây mất vệ sinh, hoặc thùng rác có kích cỡ quá nhỏ lại đặt ở nơi có số lượng rác thải ra lớn. Tất cả những hạn chế này gây sự bất bình cho người dân.

Tình hình cải thiện vệ sinh môi trường không đều tại các địa bàn của thành phố. Các khu vực trung tâm thường sạch sẽ hơn vì có sở sở vật chất, thiết bị khang trang, có các lực lượng giám sát và có người làm vệ sinh thường xuyên. Còn những nơi có nhiều khách vắng lai (người buôn bán tự do, người từ nơi khác đến sử dụng các dịch vụ công cộng của thành phố), ít chịu sự kiểm soát của chính quyền và các cơ sở dịch vụ, thì nơi đó tình trạng vệ sinh môi trường kém hơn những khu vực còn lại.

Hiện tượng phát tờ bướm, tờ rơi mới được hạn chế ở những nơi trung tâm, nhưng vẫn còn tồn tại ở các khu vực còn lại của thành phố, là một nguyên nhân gây mất vệ sinh và mất mỹ quan nơi công cộng. Hiện tượng xả rác mất vệ sinh diễn ra nhiều hơn ở các dãy nhà phố (nơi có không gian mở với nhiều người qua lại) so với những hộ dân sống trong khu chung cư (nơi có Ban quản lý giám sát, nhắc nhở).

Về kiến thức vệ sinh môi trường, kết quả khảo sát cho thấy, người dân biết được những hiện trạng vệ sinh môi trường và những nguyên nhân chính yếu, trong đó có nhấn mạnh tới ý thức của người dân và các biện pháp chế tài chưa nghiêm. Họ nhấn mạnh điều bất cập là trong khi nhà trường và

chính quyền đang cố gắng làm cho người dân nói chung, học sinh nói riêng hiểu cần phải giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, thì chính người lớn lại là những người vi phạm nhiều và khi vi phạm thì cũng không bị phạt.

Việc thu gom rác thải tại khu dân cư là điều khiến người dân không hài lòng nhất. Họ cho rằng hiện đang tồn tại cùng một lúc hai hệ thống thu gom rác, một của tư nhân và một thuộc quản lý của phường, dẫn tới không đồng nhất về mức thu phí, gây mâu thuẫn giữa các nhóm thu gom và giữa người thu gom rác với các hộ dân. Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị tham mưu, đưa ra quy chế để quản lý lực lượng thu gom rác dân lập này, nhưng cho tới thời điểm khảo sát, theo các cán bộ địa phương, vẫn chưa có quy chế để thực hiện.

Người dân cũng phàn nàn đối với các biện pháp khắc phục tình trạng mất vệ sinh, ô nhiễm môi trường. Theo họ, thay vì tập trung nguồn lực vào việc triển khai các biện pháp kỹ thuật, cơ sở vật chất hay các hoạt động nhằm ngăn chặn, giảm thiểu các hành vi xả rác, chính quyền địa phương lại chỉ tập trung vào việc huy động người dân dọn dẹp, đặc biệt là những khi có kiểm tra, giám sát. Điều này cho thấy các hoạt động còn nặng tính hình thức và chạy theo thành tích.

Thái độ tích cực của người dân là có mức độ khi họ bày tỏ sự không hài lòng đối với những hành vi gây mất vệ sinh môi trường, nhưng hầu hết lại không có thái độ phản đối. Việc nhắc nhở người khác hành xử đúng không

được coi là cần thiết trong quan niệm của họ.

Chế tài trong việc điều chỉnh hành vi giữ vệ sinh môi trường được thực hiện chưa nghiêm. Kết quả từ phỏng vấn sâu các cán bộ địa phương cho thấy họ dễ dàng phạt những người tiểu thương khi quầy hàng của họ mất vệ sinh hơn là phạt những người xả rác nơi cộng cộng. Theo các nhóm tham gia thảo luận, chính những người buôn bán có cửa hàng thường giữ vệ sinh trước khu vực của mình tốt hơn để tránh bị phạt. Phải chăng do không bị phạt nên người dân chưa thay đổi hành vi xả rác của mình?

Những yếu tố tác động tới các nhóm dân cư nhằm củng cố hành vi giữ vệ sinh, bảo vệ môi trường cũng là một trong những vấn đề được đề cập tới trong nghiên cứu này. Những kết quả từ công cụ biểu đồ Venn phản ánh sự khác biệt giữa các nhóm dân cư: (1) với nhóm sinh viên, những yếu tố được coi là quan trọng thường là các thiết chế (nhà trường, Đoàn - Hội, chính quyền địa phương và hệ thống pháp luật); (2) đối với nhóm học sinh, yếu tố quan trọng hơn lại mang tính phi chính thức như gia đình, bạn bè, hàng xóm; (3) đối với những người dân thường trú, những yếu tố quan trọng được xác định là tổ trật tự-môi trường, tổ trưởng tổ dân phố và nhân viên vệ sinh/người thu gom rác dân lập; (4) đối với nhóm người nhập cư, do ít tham gia các cuộc họp và các buổi sinh hoạt cộng đồng nên tổ trưởng tổ dân phố và cộng đồng không ảnh hưởng nhiều tới họ, nhưng

tổ trật tự-môi trường và những người làm công tác vệ sinh môi trường lại quan trọng với họ. Chẳng hạn, việc bị phạt mỗi khi vi phạm quy định về vệ sinh môi trường đã giúp họ hạn chế vi phạm. Điều này cho thấy nếu chế tài được thực hiện thường xuyên sẽ có ảnh hưởng tích cực đối với hành vi của người vi phạm hay định vi phạm; (5) tương tự như nhóm trên, nhóm tiểu thương đánh giá cao vai trò của tổ trật tự-môi trường vì luôn nhắc nhở và giám sát họ. Việc bị phạt là yếu tố tích cực điều chỉnh hành vi của họ. Họ không chỉ sợ các khoản phạt mà còn sợ mất cơ hội được kinh doanh. Nhưng đối với nhóm buôn bán nhỏ trên đường, thì khó điều chỉnh hành vi của họ hơn vì mức phạt đối với họ không cao, cách xử phạt mang tính xua đuổi nhiều hơn trừng phạt, dẫn tới thái độ “nhờn” với pháp luật.

Trong lĩnh vực giao tiếp, ứng xử nơi công cộng

Trong ba lĩnh vực được nghiên cứu, giao tiếp-ứng xử nơi công cộng là nội dung ít được quan tâm hơn cả. Tương tự, lĩnh vực này cũng ít được nghiên cứu trong nguồn tư liệu sẵn có.

Về thể chế, hiện nay chưa có văn bản pháp quy về giao tiếp - ứng xử nơi công cộng. Vì vậy, khi thực hiện các hoạt động tuyên truyền và tổ chức quản lý, cán bộ địa phương chủ yếu dựa vào các quy định về nếp sống văn minh đô thị. Tuy nhiên, những quy định về nếp sống văn minh đô thị hiện nay vẫn chưa bao quát hết các mặt của nếp sống văn minh nơi công cộng.

Các quy định mới chỉ đề cập đến những hành vi vi phạm trật tự, cảnh quan môi trường như: tiểu tiện bừa bãi, phơi phóng không đúng chỗ, chửi tục... Một số điều quy định còn chung chung nên rất khó thực thi.

Bên cạnh đó, việc tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng về lĩnh vực này còn ít về thời lượng và không phong phú về nội dung. Việc giáo dục trong nhà trường thì bị bó hẹp trong phạm vi những bài học luân lý. Lên cấp trung học phổ thông, các em không được học về văn hóa giao tiếp - ứng xử nữa. Bên cạnh đó, gánh nặng thi cử làm cho phụ huynh, nhà trường và các em không quan tâm nhiều đến hành vi này. Trong gia đình, các bậc phụ huynh ít dành thời gian trò chuyện, chỉ bảo, uốn nắn những hành vi không phù hợp của các em. Hạn chế này một phần nảy sinh từ chính bối cảnh kinh tế - xã hội hiện đại. Tuy nhiên, phần lớn là do buông lỏng kỷ cương xã hội, thiếu sự quan tâm của các tầng lớp lãnh đạo trong việc củng cố ý thức cộng đồng.

Về mặt quan niệm, các nhóm dân cư cho rằng người biết giao tiếp - ứng xử là người lịch sự, nhã nhặn trong giao tiếp, biết tôn trọng người khác, tuân thủ những quy định nơi công cộng và ứng xử có văn hóa... Tuy nhiên, những quan niệm của họ thể hiện tính lý tưởng hơn là trong thực tế.

Kết quả thảo luận và công cụ phân loại thứ tự ưu tiên phản ánh rằng trong thực tế, các hiện tượng trái với quan niệm của họ vẫn luôn diễn ra.

Cụ thể, hành vi xảy ra thường xuyên nhất trong cộng đồng là việc vứt rác bừa bãi; hút thuốc không đúng nơi quy định; phóng uế, khạc nhổ bừa bãi; chạy xe không đúng quy định; gây mất trật tự nơi công cộng. Nhóm đứng thứ hai là các hành vi: chen lấn, không xếp hàng; gây ồn ào trong khu dân cư; nói chuyện thô tục, lớn tiếng; ăn mặc hở hang. Ít gặp hơn nhưng vẫn thường diễn ra là các hành vi: không nhường chỗ cho đối tượng được ưu tiên, những người yếu thế; ít quan tâm giúp đỡ người gặp tai nạn; nghe điện thoại lúc hội họp, xem phim; một số người, nhất là thanh niên, thể hiện tình cảm thái quá nơi công cộng.

Trong giao tiếp hàng ngày, lời nói cảm ơn ngày càng trở nên hiếm hoi hơn và hiện tượng nói tục, chửi thề diễn ra nhiều hơn. Trong các nhóm khảo sát, chỉ có nhóm tiểu thương là người thường xuyên nói cảm ơn. Tuy nhiên, nhóm này thừa nhận rằng, lời cảm ơn chỉ một phần là do hàm ơn, phần lớn là vì mong đợi khách hàng cảm thấy dễ chịu hơn mà quay lại.

Về mặt thái độ, hầu như người dân hiểu những điều gì nên làm hoặc không nên làm, và khi chứng kiến những hành vi phản cảm, họ cũng bày tỏ sự khó chịu, không đồng tình. Tuy nhiên, các thành viên trong cộng đồng dân cư thường không góp ý cho những người có hành vi thiếu văn hóa, nếu không phải là người quen biết.

4. BÀN LUẬN

Như vậy, mặc dù chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội đã rất nỗ lực

trong việc thực hiện cuộc vận động nếp sống văn minh đô thị, nhưng người dân vẫn chưa thể hiện nếp sống văn minh trên nhiều khía cạnh.

Cách thực hiện hành chính hóa các cuộc vận động, trong đó có việc yêu cầu các địa phương thực hiện theo từng đợt, chọn từng trọng điểm... có khả năng dẫn tới hệ quả là mỗi khi có đợt kiểm tra, các địa phương sẽ làm quyết liệt để được đánh giá tốt, nhưng sau đó thì buông lỏng. Điều này, vừa là nguyên nhân, vừa là hệ quả từ “căn bệnh thành tích” của bộ máy chính quyền và các tổ chức xã hội.

Mặt khác, mỗi khi thực hiện các đợt vận động, chính quyền địa phương thường chỉ tập trung làm tốt ở những địa bàn điểm. Các địa bàn còn lại dường như vẫn còn đứng ngoài cuộc.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ thực hiện các công việc khá mỏng và dường như chạy theo phong trào hơn là làm nhiệm vụ chuyên môn một cách chuyên nghiệp. Để giải quyết việc này, đòi hỏi phải có quy định chính thức về nếp sống văn minh đô thị trong luật pháp chứ không phải đề ra các phong trào.

Từ những phát hiện đã nêu, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau:

4.1. Những giải pháp liên quan tới công tác tổ chức thực hiện cuộc vận động nếp sống văn minh đô thị

4.1.1. Chính quyền không nên phát động các cuộc vận động lớn và lâu dài trên quy mô toàn quốc, mà để cho các tỉnh/thành dựa trên những vấn đề thực tế của địa phương mình đề xuất

các đợt vận động. Ở thành phố, cuộc vận động “Nếp sống văn minh đô thị” chỉ nên đưa ra mục tiêu và nội dung chung, còn các mục tiêu cụ thể, phương cách thực hiện thì nên để hệ thống chính trị cấp quận-huyện/phường-xã xác định và lập kế hoạch thực hiện, dựa trên tình hình thực tế của địa phương. Các cấp phường có thể thực hiện các cuộc khảo sát theo phương pháp phát triển cộng đồng có sự tham gia của người dân để xác định các vấn đề của mình khi xây dựng kế hoạch.

4.1.2. Cải cách bộ máy hành chính và cơ chế truyền thông theo hướng giảm bớt các tầng lớp trung gian, tăng cường sự tiếp xúc trực tiếp giữa người dân với chính quyền.

4.1.3. Tách bạch trách nhiệm của nhóm cán bộ trong hệ thống hành chính (thực thi nhiệm vụ theo quy phạm pháp luật một cách chuyên nghiệp) và hệ thống các tổ chức chính trị-xã hội (thực hiện nhiệm vụ vận động toàn dân sống theo pháp luật). Xác định rõ chức năng nhiệm vụ của các công chức trong từng vị trí của hệ thống quản lý và giám sát xã hội. Các tổ chức đoàn thể chịu trách nhiệm thực hiện các đợt vận động. Cán bộ chỉ thực thi pháp luật và phải có xử lý trách nhiệm nếu họ không hoàn thành nhiệm vụ. Ở đây, một lần nữa cần tới giải pháp tăng cường năng lực cho người thừa hành công vụ, tức là phải thực hiện nghiêm luật công chức.

4.1.4. Định hướng lại các mục tiêu và hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội: không nên chỉ nặng về nhiệm vụ

chính trị, vận động nhân dân thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, mà quan tâm nhiều hơn đến đời sống, sở thích, văn hóa - tinh thần và ý thức cộng đồng, tạo điều kiện để nhân dân có tiếng nói về những nguyện vọng chính đáng của họ.

4.1.5 Trước và sau khi tổ chức các đợt vận động về một lĩnh vực nào đó nên tổ chức các cuộc khảo sát đánh giá một cách khoa học, khách quan để tìm ra những bài học kinh nghiệm và giải pháp phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Các cuộc khảo sát không nhất thiết phải quy mô lớn, mà chỉ cần tiến hành trong các khu vực hay từng cộng đồng đô thị nhỏ với các phương pháp của phát triển cộng đồng, sau đó ứng dụng các kết quả cho chính cộng đồng đó.

4.2. Những đề xuất trong các lĩnh vực cụ thể của nếp sống văn minh đô thị

4.2.1. Lĩnh vực an toàn giao thông

- Nên rà soát, bổ sung và điều chỉnh các phương án phân luồng, phân làn lưu thông; lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo, đèn tín hiệu giao thông; thường xuyên, nhanh chóng khắc phục các khiếm khuyết của hệ thống đèn giao thông, đèn chiếu sáng công cộng, đặt biển báo đúng vị trí và đặt trên cao để dễ nhìn thấy; giải tỏa triệt để các trường hợp lấn chiếm lòng lề đường để kinh doanh, buôn bán gây cản trở giao thông.

- Có thể lắp đặt các bảng thông báo về mức phạt tại các cột đèn giao thông, hoặc những nơi có thể xảy ra nhiều trường hợp vi phạm luật giao

thông, giúp cho người tham gia giao thông hiểu được các hành vi vi phạm và mức phạt để răn đe. Điều này cũng tạo ra sự minh bạch khi cảnh sát giao thông xử phạt.

- Nghiên cứu cách thức tạo hình ảnh cảnh sát giao thông trên đường để nhắc nhở và củng cố hành vi (dựng các bảng hình ảnh người cảnh sát giao thông trên đường phố một cách thích hợp).

- Về công tác truyền truyền-giáo dục, nên truyền đạt kiến thức về luật lệ giao thông cho các em học sinh với những hình thức sinh động, phù hợp với lứa tuổi. Gia đình có trách nhiệm giáo dục con cái chấp hành tốt luật giao thông bằng sự gương mẫu của người lớn. Các cộng đồng phải thường xuyên có những cuộc sinh hoạt, thảo luận về nâng cao văn hóa giao thông cho người dân, tự giác chấp hành luật giao thông đường bộ, cư xử hòa nhã, nhường nhịn khi xảy ra sự cố giao thông trên đường. Khi tổ chức giáo dục truyền truyền, nên mời báo cáo viên là cảnh sát giao thông đến nói chuyện về kỹ thuật tham gia giao thông và các mức xử phạt hành chính đối với người vi phạm luật giao thông.

- Về chế tài, tăng cường hình thức xử phạt vi phạm qua hình ảnh ghi được từ camera...; tăng cường năng lực cưỡng chế, xử phạt của cảnh sát giao thông bằng cách thực hiện nghiêm chỉnh, gia tăng các mức phạt đối với các vi phạm luật giao thông và lấn chiếm lòng lề đường. Ngoài việc nộp tiền, cần có thêm hình thức phạt bằng

lao động công ích để có tính răn đe nhiều hơn. Kiên quyết kỷ luật những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ và có biện pháp xử lý nghiêm khắc những cán bộ, chiến sĩ có hành vi tiêu cực trong kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông.

4.2.2. Lĩnh vực vệ sinh môi trường

- Về cơ sở vật chất, cần đặt thêm thùng rác và nhà vệ sinh công cộng ở khắp nơi trong thành phố, và làm một cách hợp lý (về vị trí, kích cỡ, tiện lợi, thường xuyên thu gom...). Điều này rất cần trong những ngày lễ Tết và ở những khu vực tập trung nhiều khách vắng lai. Lắp đặt camera ghi lại những hành vi vi phạm, hỗ trợ cho việc cảnh báo và thực hiện các biện pháp chế tài hiệu quả hơn.

- Về mặt truyền thông, cần phối hợp với các tổ chức quần chúng, những người làm công tác thực tế ở cộng đồng và chính những người dân tại từng khu vực tham gia soạn thảo và thực hiện các giải pháp tuyên truyền tương ứng với cộng đồng. Đưa nội dung giáo dục “vệ sinh công cộng” vào các nhà trường phổ thông, thậm chí ngay từ trường mẫu giáo và cả cấp học đại học. Phương tiện truyền thông đại chúng cần đưa nhiều hơn những tin tức, hình ảnh về tác hại của ô nhiễm môi trường, về xử phạt vi phạm. Công tác tuyên truyền giáo dục tốt sẽ làm cho người dân nhận ra lợi ích cộng đồng và lợi ích lâu dài.

- Về việc thu gom và xử lý rác, cần có biện pháp thống nhất hai hệ thống thu gom rác dân lập và công lập. Tạo điều kiện cho nhân viên vệ sinh vừa thu

gom rác, vừa tuyên truyền và nhắc nhở người dân. Họ cũng cần có thêm chức năng báo cáo những hiện tượng bất ổn về vệ sinh ở từng cộng đồng.

- Giao trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn thành phố phải đảm bảo vệ sinh trong và ngoài khu vực của họ, xử phạt thật nặng mỗi khi các cơ quan tổ chức này vi phạm qui định.

4.2.3. Lĩnh vực giao tiếp, ứng xử nơi công cộng

- Hiện nay văn bản pháp quy về giao tiếp-ứng xử nơi công cộng của các cuộc vận động mới chỉ đề cập tới nội dung ứng xử nơi công cộng, nên bổ sung thêm nội dung về giao tiếp lịch sự giữa người với người.

- Việc đưa ra những quy định chung được soạn thảo bởi Ban vận động nếp sống văn minh đô thị là chưa hợp lý. Thành phố nên yêu cầu các thiết chế (cơ quan, trường học, cơ sở dịch vụ cộng đồng dân cư...) thảo luận và đưa ra những quy định cụ thể, phù hợp với từng thiết chế.

- Việc truyền truyền nên có các nội dung và hình thức phù hợp với từng nhóm tuổi và đặc điểm nghề nghiệp của họ. Hành vi giao tiếp ứng xử có văn hóa nơi công cộng cần được đưa vào nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở tất cả các cấp học, từ nhà trẻ tới trường phổ thông trung học, các trường dạy nghề, cao đẳng và đại học. Không chỉ những cách ứng xử nơi công cộng, việc giáo dục về lòng tự trọng, về tính lịch sự cũng cần được lan tới các nhóm xã hội khác nhau.

- Cán bộ và nhân viên làm các công việc tiếp xúc với người dân cần được học quy chế ứng xử và chịu sự kiểm soát, chế tài một cách nghiêm khắc. Họ không chỉ làm đúng quy định dành cho mình mà còn có nghĩa vụ làm gương và giúp điều chỉnh hành vi của công dân.

- Tại những nơi công cộng cần có những biển thông báo nội quy và cảnh báo những hành vi không được làm (mô hình ở rạp chiếu phim). Những nơi đòi hỏi người dân xếp hàng nên tạo ra các hàng rào hay các dải ngăn cách hữu hình hoặc vô hình, buộc người dân phải tuân thủ (như mô hình ở sân bay).

5. THAY LỜI KẾT

Nghiên cứu này là một thử nghiệm mang tính thăm dò, chủ yếu dựa trên tiếp cận chủ quan, từ góc nhìn của những người trong cuộc. Nó không phản ánh toàn bộ thực trạng nếp sống văn minh đô thị ở thành phố, mà chỉ đề cập đến những biểu hiện về kiến thức, thái độ và hành vi của người dân trong các lĩnh vực khác nhau của nếp sống văn minh đô thị ở hai địa bàn tiêu biểu cho các nhóm dân cư của TPHCM trong bối cảnh hiện tại. Kết quả và những phát hiện từ cuộc nghiên cứu phản ánh những điểm mạnh và những hạn chế trong công tác quản lý đô thị và việc tổ chức các cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh đô thị ở thành phố.

Tiếp cận KAB là một tiếp cận phù hợp với chủ đề nghiên cứu này. Vì vậy phương pháp nghiên cứu hành động

có sự tham gia của người dân cần được tiếp tục hoàn thiện và thực hiện có sự kết hợp với các phương pháp khách quan khác nhằm tạo ra một kết quả mang tính hệ thống. Đồng thời, những cuộc khảo sát với mục tiêu xây dựng nếp sống văn minh đô thị cần được thực hiện chuyên sâu với các nhóm đối tượng đặc thù và những nhu cầu cụ thể của từng khu vực đô thị và nông thôn khác nhau.

Việc xây dựng nếp sống văn minh đô thị là việc làm khó khăn và lâu dài, liên quan tới nhiều lĩnh vực, nhiều cấp độ khác nhau (cấp độ thành phố, khu vực,

cộng đồng dân cư), nhiều khía cạnh khác nhau (khách quan, chủ quan), đòi hỏi không chỉ các nhà quản lý chính quyền, hệ thống chính trị mà cả các nhà khoa học và toàn thể nhân dân phải cùng tham gia. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là phải thực hiện một cách có hệ thống, từng bước, và phải hết sức cương quyết, không dừng lại ở lời kêu gọi chung chung hay từng đợt phát động phong trào. Hơn bao giờ hết và hơn ở đâu hết, khẩu hiệu “sống và làm việc theo pháp luật” phải trở thành hiện thực trong một đô thị văn minh-hiện đại như TPHCM. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Những cán bộ cấp quận [Phó Chủ tịch quận phụ trách về Trật tự Đô thị và Trưởng Phòng Môi trường thuộc quận 5 và quận 8 (tham gia phỏng vấn sâu)]; Cán bộ cấp phường [Chủ tịch phường và Phó Chủ tịch phụ trách Văn hóa-xã hội quận 8, Phó Chủ tịch phụ trách Trật tự đô thị quận 5, Phó Trưởng phòng phụ trách Môi trường quận 5 (phỏng vấn sâu); Các cán bộ của phường 2 (quận 5) và phường 8 (quận 8)].

⁽²⁾ Tiểu thương và những người buôn gánh bán bưng hay đẩy xe bán trên đường phố... ở quận 8 và quận 5 (từ 35-60 tuổi).

⁽³⁾ Xem thêm chương 2, phần đặc trưng các cuộc vận động nếp sống văn minh đô thị của Báo cáo đề tài khoa học cấp Sở *Xây dựng nếp sống văn minh đô thị tại TPHCM từ cách tiếp cận nghiên cứu hành động đồng tham gia: thực trạng và các giải pháp*.

⁽⁴⁾ Ở thời điểm hoàn thiện báo cáo thẩm định, Luật Môi trường sửa đổi năm 2014 đã được ban hành.